

Bản án số: 11/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26-9-2024

V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thái Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Trung Hiếu và bà Lê Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Quyên –Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy- Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024, về việc "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Thượng H**

Địa chỉ: SN 63, đường Nguyễn Cảnh Ch, khối 12, phường Quang Tr, thành phố V, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt đã có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: **Bà Lê Thị Thuý H**

Địa chỉ: Tổ 2, phường Pú Tr, thị xã Nghĩa L, tỉnh Yên Bái

Hiện đang đi xuất khẩu lao động tại Anh Quốc nhưng không rõ địa chỉ.
(Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 7 năm 2024, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn ông Nguyễn Thượng H trình bày:

Ông Nguyễn Thượng H kết hôn với bà Lê Thị Thuý H vào ngày 29 tháng 8 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường Quang Tr, thành phố V, tỉnh Nghệ An, trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân quan điểm sống không phù hợp. Sau khi kết hôn, chung sống được 02 tháng thì bà H2 đã về nhà mẹ đẻ tại Nghĩa L, tỉnh Yên Bái, không chung sống với ông Nguyễn Thượng H, ông H1 đi tìm hiểu mới được biết bà H2 đi xuất khẩu lao động tại Anh Quốc mà không nói rõ địa chỉ cho ông H1. Nay ông H1 xác định tình cảm vợ chồng đã hết, xin được ly hôn bà Lê Thị Thuý H.

Về con chung: Ông H1 xác định không có con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Do bà H2 không cung cấp giấy tờ tùy thân cho ông H1 nên ông H1 không thể cung cấp cho Tòa án, ông H1 từ chối hoà giải, xin được phép vắng mặt tại phiên họp và phiên tòa.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn là bà Lê Thị Thuý H vắng mặt, ông Nguyễn Thượng H không thể cung cấp được địa chỉ hiện nay của bà Lê Thị Thuý H tại Anh Quốc, Tòa án đã đề nghị người nhà bà Lê Thị Thuý H là mẹ đẻ bà H2, bà Bùi Thị T và ông Lê Quang Ch (trú tại: Tổ 2, phường Pú Tr, thị xã Nghĩa L, tỉnh Yên Bái) cung cấp địa chỉ của bà H2 thì họ từ chối cung cấp thông tin, Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý tại nơi cư trú cũng như đi thu thập chứng cứ về địa chỉ hiện nay của bà H2, nhưng không có kết quả điều đó thể hiện là bị đơn cố tình giấu địa chỉ theo điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vì vậy vụ án được giải quyết theo thủ tục chung. Đến ngày 07 tháng 8 năm 2024, trên cơ sở đề nghị của ông H1 đề nghị Tòa án tiến hành thông báo công khai thông tin vụ án trên các phương tiện thông tin đại chúng và đề nghị bà H2 về Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái để giải quyết vụ án ly hôn, nhưng đến nay bà H2 vẫn không về Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái hoặc gửi giấy tờ, tài liệu, lời khai để giải quyết việc ly hôn theo yêu cầu của Tòa án.

Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, các thành viên khác trong Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình chuẩn bị xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Các Điều 149, 180, khoản 1 Điều 238, khoản 1, 3 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thượng H.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thượng H được ly hôn bà Lê Thị Thuý H.
- Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề cập giải quyết.
- Về án phí và chi phí tố tụng: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, để tìm kiếm địa chỉ hiện nay của bà Lê Thị Thuý H, Tòa án đã áp dụng các biện pháp để tìm kiếm, gửi Công văn hỏi Cục quản lý xuất nhập cảnh- Bộ công an, đã hai lần yêu cầu người nhà bà Lê Thị Thuý H cung cấp địa chỉ nhưng người nhà bà H2 không cung cấp, căn cứ vào hướng dẫn của Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì Tòa án xác định đây là trường hợp bị đơn giấu địa chỉ nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

Ông Nguyễn Thượng H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Thượng H: Ông Nguyễn Thượng H và bà Lê Thị Thuý H kết hôn với nhau vào ngày 29 tháng 8 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường Quang Tr, thành phố V, tỉnh Nghệ An, trên cơ sở tự nguyện. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của ông H1 và bà H2 đã mâu thuẫn thể hiện là sau khi kết hôn được 02 tháng thì bà H2 đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, sau đó bà H2 đi xuất khẩu lao động, đã không còn liên lạc với ông H1 và cũng giấu cả địa chỉ nơi mình đang sinh sống, điều đó thể hiện đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thượng H được ly hôn bà Lê Thị Thuý H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông H1 xác định không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét

[3] Về lệ phí tố tụng: Ông Nguyễn Thượng H phải chịu tiền lệ phí tố tụng về việc yêu cầu Tòa án thông tin vụ án trên các phương tiện thông tin đại chúng (được xác định theo hóa đơn, chứng từ của Đài Truyền thanh Trung ương và Báo công lý).

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Thượng H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 3 Điều 35, Điều 147, Điều 180, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thượng H được ly hôn bà Lê Thị Thuý H.

2. Về lệ phí tố tụng: Ông Nguyễn Thượng H phải chịu 7.500.000 đồng tiền lệ phí đăng thông tin trên Báo và Đài phát thanh Trung ương (theo phiếu thu). Xác nhận ông H1 đã nộp đủ.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Thượng H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H1 đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000046 ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái (Ông H1 đã nộp đủ án phí).

Án xử sơ thẩm công khai, ông H1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết; bà Lê Thị Thuý H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được công khai trên Báo và Đài truyền thanh trung ương theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT3-TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái;
- UBND phường Quang Tr,
thành phố V, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Đã ký

Lê Thái Hưng

